



shì nèi

市内

noun (location) · within the city; downtown area

Example Sentences

Tā zài shì nèi gōng zuò
他在市内工作。

He works in the city.

Zhè jiā diàn zài shì nèi yǒu hěn duō fēn diàn
这家店在市内有很多分店。

This store has many branches within the city.

Shì nèi jiāo tōng zài zǎo wǎn gāo fēng shí hěn yōng jǐ
市内交通在早晚高峰时很拥挤。

City traffic is very congested during rush hours.

Trace each character, then write the word on your own.

市	市	市	市	市	市	市	市				
内	内	内	内	内	内	内					